TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN
PGS. TS. Phạm Đức Cường - PGS. TS. Trần Mạnh Dũng

THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ
trong doanh nghiệp

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN
PGS.TS. Phạm Đức Cường - PGS.TS. Trần Mạnh Dũng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
02 04
04936

THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ TRONG DOANH NGHIỆP

- Lý thuyết và thực hành -

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2019

LỜI NÓI ĐẦU

Ngân sách nhà nước được hình thành chủ yếu từ các khoản đóng góp của thuế từ phía các đơn vị nộp thuế. Trách nhiệm từ phía các doanh nghiệp là đóng đúng, đóng đủ các khoản nghĩa vụ về thuế. Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam đã và đang dần hoàn thiện hệ thống thuế theo hướng hòa nhập với thông lệ quốc tế.

Với tư cách là doanh nghiệp, họ phải tuân thủ rất nhiều các sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hiểu được đầy đủ các sắc luật thuế và thực hiện đúng theo các nội dung của sắc luật thuế là điều không hoàn toàn đơn giản. Luôn có sự mâu thuẫn về lợi ích giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp cho dù có đầy đủ các sắc luật thuế. Các doanh nghiệp thường có thiên hướng kê khai thuế thấp hơn thực tế (understatement), trong khi đó cơ quan thuế lại muốn tính đúng, tính đủ các khoản nghĩa vụ thuế. Khoảng cách này dần được thu hẹp do sự hiểu biết tăng lên của người nộp thuế về các sắc luật thuế.

Cuốn sách ***Thuế và Kế toán Thuế trong Doanh nghiệp: Lý thuyết và Thực hành*** được biên soạn bởi nhóm nghiên cứu là các giảng viên và những người hành nghề có nhiều kinh nghiệm, uyên thâm cả về ***lý luận và thực tiễn*** **về thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp**. Với sự đam mê nghề nghiệp sâu sắc, cuốn sách được phát hành nhằm đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong việc kê khai, ghi nhận và hạch toán thuế trong các doanh nghiệp Việt Nam khi mà các quy định về thuế thay đổi mạnh mẽ hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

Nhóm tác giả đã phát hành rất nhiều sách về thuế, kế toán thuế, quản lý thuế cũng như các sách về kế toán, kiểm toán; gồm:

- **PGS. TS. Phạm Đức Cường**, Trưởng Bộ môn Nguyên lý kế toán, Giảng viên cao cấp, Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế quốc dân (KTQD), *đồng chủ biên*, biên soạn Chương 1, Chương 4.

- **PGS. TS. Trần Mạnh Dũng**, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Phát triển (JED); Kiểm toán viên Quốc gia (CPA); Chuyên gia của Ngân hàng Thế giới (WB) và Liên minh Châu Âu (EU); Giảng viên cao cấp Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, *đồng chủ biên*, biên soạn Chương 5 và đồng biên soạn Chương 2 và Chương 8.

- **TS. Đỗ Đức Tài**, Giảng viên Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội, đồng biên soạn mục 2.1 và 2.3 của Chương 2.

- **TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng**, Giảng viên Khoa Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, biên soạn mục 3.1 của Chương 3.

- **TS. Nguyễn Thị Mai Anh**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, biên soạn mục 3.2 của Chương 3.

- **TS. Đoàn Thanh Nga**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, đồng biên soạn mục 4.1 của Chương 4.

- **TS. Tạ Thu Trang**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, đồng biên soạn mục 4.2 của Chương 4.

- **TS. Phan Thị Thu Hiền**, Giảng viên Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, đồng biên soạn mục 5.1 của Chương 5.

- **TS. Vũ Thị Sen**, Trưởng Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế

Trường Đại học Tây Bắc, biên soạn mục 6.1 của Chương 6.

- **ThS. NCS. Phạm Kim Yến**, Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh, biên soạn mục 6.2 của Chương 6.

- **TS. Phí Văn Trọng**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD biên soạn mục 7.1 của Chương 7.

- **ThS. Nguyễn Phi Long**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD biên soạn mục 7.2 của Chương 7.

- **TS. Trần Trung Tuấn**, Trưởng Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Kiểm toán viên quốc gia, Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, đồng biên soạn mục 8.1 và 8.2 của Chương 8.

- **TS. Hà Hồng Hạnh**, Giảng viên Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD, đồng biên soạn mục 8.3 và 8.4 của Chương 8.

Ngoài việc giới thiệu những nội dung cơ bản nhất về các sắc luật thuế và kế toán thuế được cập nhật, nhóm tác giả đã cố gắng đưa ra nhiều ví dụ minh họa mang tính thực hành nhằm giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng hơn trong việc áp dụng các sắc luật thuế.

Cuốn sách này được biên soạn trong điều kiện hệ thống thuế của Việt Nam đang có thay đổi mạnh mẽ và đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với nền kinh tế quốc tế; trong đó có lĩnh vực thuế. Nhóm tác giả cũng nhận được ý kiến chia sẻ, đóng góp từ phía các Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội; Hội Tư vấn Thuế Việt Nam; Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam; Tổng Cục Thuế, Cục Quản lý Giám sát Kế toán Kiểm toán - Bộ Tài chính; Kiểm toán Nhà nước; Công ty kiểm toán Big 4; và các tổ chức quốc tế nơi mà các tác giả có thời gian cộng tác tại The World Bank (WB), European Union (EU), Asian Development Bank (ADB). Mặc dù vậy trong việc biên soạn

tài liệu này cũng không thể tránh khỏi các sai sót, nhóm tác giả xin nhận những ý kiến đóng góp của độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM

1.1. Khái quát chung về hệ thống thuế Việt Nam **21**

1.1.1. Khái niệm thuế và đặc điểm của hệ thống thuế 21

1.1.2. Phân loại hệ thống thuế 24

1.1.2.1. Phân loại theo thẩm quyền đánh thuế 24

1.1.2.2. Phân loại theo cơ sở thuế 25

1.1.2.3. Phân loại theo phương thức đánh thuế 26

1.1.2.4. Phân loại dựa theo mối quan hệ giữa thuế với thu nhập 27

1.1.2.5. Phân loại theo cách thiết kế mức thu 28

1.1.3. Công dụng và vai trò của thuế 29

1.1.3.1. Thuế là nguồn thu cho ngân sách Nhà nước 29

1.1.3.2. Thuế nhằm đảm bảo công bằng xã hội 30

1.1.3.3. Thuế để điều tiết vĩ mô nền kinh tế 30

1.2. Hệ thống thuế và quản lý thuế Việt Nam **31**

1.2.1. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế 31

1.2.1.1. Tên gọi của một sắc thuế 31

1.2.1.2. Đối tượng nộp thuế 31

1.2.1.3. Cơ sở tính thuế 31

1.2.1.4. Mức thuế 32
1.2.1.5. Ưu đãi thuế 34
1.2.1.6. Trách nhiệm và nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế 34
1.2.1.7. Thủ tục kê khai, thu nộp và quyết toán thuế 34
1.2.2. Nguyên tắc quản lý thuế 35
1.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế 35
1.2.4. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế 36
1.2.5. Nội dung quản lý thuế 38
1.2.5.1. Đăng ký thuế, kê khai thuế và tính thuế 38
1.2.5.2. Ấn định thuế 41
1.2.5.3. Nộp thuế 42
1.2.5.4. Ủy nhiệm thu thuế 43
1.2.5.5. Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế 44
1.2.5.6. Miễn giảm thuế và hoàn thuế 45
1.3. Lịch sử hình thành và sự đổi mới về hệ thống thuế tại Việt Nam **46**
1.3.1. Khái quát về hệ thống chính sách thuế Việt Nam 46
1.3.2. Khái quát về tổ chức bộ máy quản lý thu thuế 49
1.4. Khái quát chung vè kế toán thuế Việt Nam **51**
1.4.1. Khái niệm kế toán thuế 51
1.4.2. Phân biệt kế toán thuế, kế toán tài chính và kế toán quản trị 52
1.4.3. Bộ phận cấu thành hệ thống kế toán thuế 53
1.4.3.1. Hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ 53
1.4.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán 63
1.4.3.3. Hệ thống sổ kế toán thuế 65
1.4.3.4. Hình thức Nhật ký chứng từ 75
1.4.3.5. Hệ thống báo cáo kế toán thuế 78
1.4.4. Nhiệm vụ kế toán thuế 79

Chương 2

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

2.1. Những vấn đề chung về thuế giá trị gia tăng 81

2.1.1. Khái niệm 81

2.1.2. Đối tượng nộp thuế 83

2.1.3. Đối tượng chịu thuế 83

2.1.4. Căn cứ tính thuế 87

2.1.4.1. Giá tính thuế giá trị gia tăng 87

2.1.4.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 104

2.1.5. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng 106

2.1.5.1. Phương pháp khấu trừ thuế 106

2.1.5.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng 111

2.1.6. Quy định về hóa đơn chứng từ 113

2.1.7. Kê khai thuế và nộp thuế giá trị gia tăng 113

2.1.8. Hồ sơ kế khai thuế giá trị gia tăng 115

2.1.9. Hoàn thuế giá trị gia tăng 115

2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng 120

2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra 120

2.2.1.1. Chứng từ kế toán 120

2.2.1.2. Tài khoản kế toán 121

2.2.1.3. Trình tự kế toán 122

2.2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ 126

2.2.2.1. Chứng từ kế toán 126

2.2.2.2. Tài khoản kế toán 127

2.2.2.3. Trình tự kế toán 128

2.2.3. Sổ sách kế toán 132

2.3. Một số sai phạm liên quan đến thuế giá trị gia tăng 134

Chương 3

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

3.1. Thuế tiêu thụ đặc biệt 138

3.1.1. Khái quát chung về thuế tiêu thụ đặc biệt 138

3.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm 138

3.1.1.2. Vị trí và vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt 141

3.1.2. Phạm vi áp dụng 141

3.1.2.1. Đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt 141

3.1.2.2. Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế 142

3.1.3. Phương pháp tính và căn cứ tính thuế 144

3.1.3.1. Phương pháp và nguyên tắc xác định giá tính thuế TTĐB 144

3.1.3.2. Giá tính thuế TTĐB trong một trường hợp cụ thể 145

3.1.3.3. Đồng tiền xác định giá tính thuế 149

3.1.3.4. Thời điểm xác định giá tính thuế 149

3.1.3.5. Thuế suất 149

3.1.4. Đăng ký thuế, tính thuế và kê khai thuế 154

3.1.4.1. Đăng ký thuế TTĐB 154

3.1.4.2. Kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt 155

3.1.4.3. Hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt 156

3.1.5. Nộp thuế, hoàn thuế và khấu trừ thuế 175

3.2. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt 181

3.2.1. Chứng từ và thủ tục liên quan 181

3.2.2. Tài khoản sử dụng 182

3.2.3. Trình tự kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt 184

3.2.4. Sổ sách kế toán 187

Chương 4

THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ KẾ TOÁN THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU

4.1. Thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu 190

4.1.1. Khái quát chung về thuế xuất, nhập khẩu 190

4.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm 190

4.1.1.2. Vị trí, vai trò và chức năng của thuế xuất nhập khẩu 192

4.1.2. Thuế xuất nhập khẩu Việt Nam - quá trình hình thành và phát triển 193

4.1.3. Nội dung của Luật thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam 195

4.1.3.1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế xuất nhập khẩu 195

4.1.3.2. Đối tượng được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thay thuế 196

4.1.3.3. Thời điểm tính thuế, tỷ giá xác định trị giá tính thuế, đồng tiền 197

4.1.4. Căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế 197

4.1.4.1. Trường hợp hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỷ lệ % 198

4.1.4.2. Trường hợp hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối 210

4.1.4.3. Trường hợp tính thuế hỗ hợp 210

4.1.5. Kê khai và nộp thuế xuất, nhập khẩu 211

4.1.5.1. Nguyên tắc khai thuế và nộp thuế 211

4.1.5.2. Nguyên tắc quản lý thuế xuất nhập khẩu 212

4.1.5.3. Hồ sơ thuế xuất nhập khẩu 213

4.1.5.4. Thời điểm tính thuế, thời hạn nộp và nơi nộp thuế xuất nhập khẩu 214

4.1.6. Miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế 218

4.1.6.1. Miễn thuế 218

4.1.6.2. Xét miễn giảm thuế 223

4.1.6.3. Xét giảm thuế 224
4.1.6.4. Hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 224
4.2. Kế toán thuế xuất nhập khẩu **226**
4.2.1. Chứng từ và thủ tục liên quan 226
4.2.2. Tài khoản sử dụng 260
4.2.3. Trình tự kế toán thuế xuất khẩu 262
4.2.4. Phương pháp kế toán thuế nhập khẩu 264
4.2.5. Sổ sách kế toán sử dụng 267

Chương 5

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp **270**
5.1.1. Khái niệm và đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp 270
5.1.2. Đối tượng nộp thuế 272
5.1.3. Thu nhập chịu thuế 273
5.1.4. Thu nhập được miễn thuế 274
5.1.5. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp 277
5.1.6. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp 278
5.1.7. Xác định các căn cứ tính thuế 282
5.1.8. Doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế 286
5.1.9. Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế 290
5.1.9.1. Các điều kiện xác định chi phí được trừ 290
5.1.9.2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế 291
5.1.10. Xác định thu nhập tính thuế và thuế TNDN đối với chuyển nhượng BĐS 300
5.1.11. Xác định thu nhập tính thuế và thuế TNDN đối với chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán 303

5.1.12. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 308
5.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp 314
5.2.1. Chứng từ kế toán 314
5.2.2. Tài khoản kế toán 315
5.2.3. Trình tự kế toán 315
5.2.4. Sổ sách kế toán sử dụng 317
5.3. Kê khai tạm tính, quyết toán thuế và kế toán thuế TNDN: trường hợp nghiên cứu tại Công ty ABC 319
5.3.1. Kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 319
5.3.2. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp 321

Chương 6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

6.1. Thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam 329
6.1.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam 329
6.1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập cá nhân 333
6.1.2.1. Đối tượng nộp thuế 333
6.1.2.2. Thu nhập chịu thuế 336
6.1.2.3. Thu nhập được miễn thuế 347
6.1.2.4. Giảm thuế 350
6.1.3. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cư trú 351
6.1.3.1. Đối với thu nhập từ kinh doanh và tiền lương, tiền công 351
6.1.3.2. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn 367
6.1.3.3. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn 368
6.1.3.4. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS 375

6.1.3.5. Đối với thu nhập từ bản quyền 380
6.1.3.6. Đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại 381
6.1.3.7. Đối với thu nhập từ trúng thưởng 381
6.1.3.8. Đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng 384
6.1.4. Phương pháp và cách tính thuế đối với cá nhân không cư trú 386
6.1.5. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế 391
6.1.5.1. Đăng ký thuế 391
6.1.5.2. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thuế thu nhập cá nhân 391
6.1.5.3. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ kinh doanh 397
6.1.5.4. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS 404
6.1.5.5. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán) 408
6.1.5.6. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán 410
6.1.5.7. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng 412
6.1.5.8. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài 414
6.1.5.9. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cá nhân đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài 415
6.1.5.10. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn trong trường hợp

nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn 417
6.1.5.11. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng BĐS trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, góp vốn bằng chứng khoán, góp vốn bằng BĐS 417
6.1.5.12. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ thưởng bằng cổ phiếu 419
6.1.5.13. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với trường hợp cá nhân nước ngoài có thu nhập chịu thuế thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần giữa Việt Nam và các nước, vũng lãnh thổ khác thì thực hiện các thủ tục 419
6.2. Kế toán thuế thu nhập cá nhân theo chế độ kế toán Việt Nam **427**
6.2.1. Chứng từ kế toán và thủ tục kế toán 427
6.2.2. Tài khoản sử dụng 428
6.2.3. Trình tự kế toán 428
6.2.4. Sổ sách kế toán sử dụng 429

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
02 04
04936

Chương 7

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC VÀ KẾ TOÁN CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

7.1. Thuế tài nguyên và kế toán thuế tài nguyên **432**
7.1.1. Thuế tài nguyên 432
7.1.1.1. Khái niệm 432
7.1.1.2. Phạm vi áp dụng 433
7.1.1.3. Căn cứ tính thuế tài nguyên 435

7.1.1.4. Kê khai thuế và nộp thuế tài nguyên 448
7.1.1.5. Quy định về miễn, giảm thuế 450
7.1.2. Kế toán thuế tài nguyên 450
7.1.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán 450
7.1.2.2. Tài khoản sử dụng và trình tự kế toán 450
7.1.2.3. Sổ sách kế toán 450
7.2. Thuế bảo vệ môi trường và kế toán thuế bảo vệ môi trường **452**
7.2.1. Thuế bảo vệ môi trường 452
7.2.1.1. Khái quát chung về thuế bảo vệ môi trường 452
7.2.1.2. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế bảo vệ môi trường 457
7.2.1.3. Kê khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế BVMT 461
7.2.1.4. Hoàn thuế 466
7.2.2. Kế toán thuế bảo vệ môi trường 467
7.2.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán 467
7.2.2.2. Tài khoản sử dụng 467
7.2.2.3. Phương pháp kế toán thuế BVMT 468
7.2.2.4. Sổ sách kế toán sử dụng 470

Chương 8

KIỂM TRA THUẾ VÀ THANH TRA THUẾ

8.1. Khái quát chung về kiểm tra thuế và thanh tra thuế 471
8.1.1. Khái niệm 471
8.1.2. Đặc điểm 472
8.1.3. Phân loại 473
8.1.4. Vai trò 475
8.2. Nội dung của kiểm tra thuế và thanh tra thuế 476

8.2.1. Kiểm tra và thanh tra đối tượng nộp thuế 476
8.2.2. Kiểm tra và thanh tra nội bộ ngành thuế 478
8.3. Phương pháp kiểm tra và thanh tra thuế 480
8.3.1. Phương pháp kỹ thuật quản lý rủi ro 481
8.3.2. Phương pháp đối chiếu, so sánh 483
8.3.3. Phương pháp kiểm tra tài liệu 483
8.3.3.1. Nội dung kiểm tra 483
8.3.3.2. Phương pháp kiểm tra 487
8.3.4. Các phương pháp kiểm tra khác 493
8.4. Quy trình kiểm tra thuế do cơ quan thuế thực hiện 494
8.4.1. Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế 494
8.4.2. Kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế 497
8.4.3. Tổng hợp báo cáo và lưu giữ tài liệu kiểm tra thuế 505
8.5. Quy trình thanh tra thuế do cơ quan thuế thực hiện 506
8.5.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra năm 507
8.5.2. Thanh tra tại trụ sở của người nộp thuế 510
8.5.3. Nhập dữ liệu thanh tra và chế độ báo cáo 518
8.6. Tổ chức công tác kiểm tra và thanh tra thuế 519
8.6.1. Tổ chức bộ máy kiểm tra và thanh tra thuế 519
8.6.2. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra thuế và thanh tra thuế 521
8.7. Thực trạng công tác kiểm tra và thanh tra thuế tại Chi cục thuế 523
8.7.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và thanh tra thuế 523
8.7.2. Nội dung kiểm tra và thanh tra thuế 525
8.7.2.1. Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế 525
8.7.2.2. Kiểm tra và thanh toán thuế tại trụ sở người nộp thuế 527
8.7.2.3. Tăng cường kiểm tra và thanh tra thuế 529

Tài liệu tham khảo 531